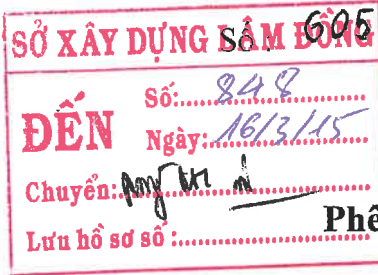


ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 3 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh,  
huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch đô thị;

Xét Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 22/01/2014 của UBND huyện Di Linh và văn bản số 26/SXD-KTQH ngày 18/4/2014, 43/SXD-QHKT ngày 14/01/2015 của Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt đồ án Quy hoạch chung và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đồ án quy hoạch:** Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020.

**2. Vị trí:** Xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

**3. Phạm vi, ranh giới:**

- Gồm 8 thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9 thuộc xã Hòa Ninh;
- Phía Bắc giáp: xã Đinh Trang Hòa, huyện Di Linh;
- Phía Nam giáp: xã Hòa Nam, huyện Di Linh;
- Phía Đông giáp: xã Hòa Trung, huyện Di Linh;
- Phía Tây Nam giáp: xã Lộc An, huyện Bảo Lâm.

**4. Quy mô quy hoạch:** 350ha (tương đương 15.000 dân).

**5. Tính chất, chức năng đô thị:** là trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa của các xã: Hòa Ninh, Đình Trang Hòa, Hòa Bắc, Hòa Trung, Hòa Nam, huyện Di Linh; được định hướng đầu tư xây dựng phát triển thành thị trấn Hòa Ninh thuộc huyện Di Linh với tiêu chí đô thị loại V.

**6. Quy mô dân số:**

- Dân số năm 2011 là 7.800 người;
- Dân số năm 2015 là 10.417 người;
- Dân số năm 2020 là 15.000 người.

**7. Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất và quản lý không gian kiến trúc:**

a) Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2015: 212,243 ha, trong đó:

- Đất dân dụng: 151,9235 ha. Trong đó:

+ Đất ở: 88,477 ha;

+ Đất công trình công cộng, hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục: 9,9293 ha;

+ Đất cây xanh, công viên: 8,4977 ha;

+ Đất dự án du lịch: 13,3903 ha;

+ Đất công trình tôn giáo: 1,8218 ha;

+ Đất giao thông đối nội: 29,8074 ha;

- Đất xây dựng ngoài dân dụng: 60,3195 ha. Trong đó:

+ Đất giao thông đối ngoại: 21,8705 ha;

+ Đất công trình đầu mối kỹ thuật: 1,1869 ha;

+ Đất công nghiệp: 6 ha;

+ Khu vực cấm sử dụng: 3,5876 ha;

+ Đất dự trữ phát triển đô thị: 27,6745 ha.

b) Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020: 350 ha, trong đó:

- Đất dân dụng: 239,8154 ha. Trong đó:

+ Đất ở: 124,2584 ha;

+ Đất công trình công cộng, hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ thương mại: 10,7696 ha;

+ Đất cây xanh, công viên: 20,4673 ha;

+ Đất dự án: 13,3903 ha;

+ Đất công trình tôn giáo: 1,8218 ha;

+ Đất giao thông đối nội: 40,0938 ha;

- + Đất khác (đất trũng, đồi, núi, đất khó xây dựng): 29,0142ha;
- Đất xây dựng ngoài phạm vi dân dụng: 110,1846ha. Trong đó:
- + Đất giao thông đối ngoại: 23,143ha;
- + Đất công trình đầu mối kỹ thuật: 1,7469ha;
- + Đất công nghiệp: 8,7113ha;
- + Đất nông nghiệp: 30,7973ha;
- + Khu vực cấm sử dụng: 4,226ha;
- + Đất dự trữ phát triển đô thị: 41,5601ha.

c) Quy hoạch không gian, kiến trúc:

- Chỉ tiêu mật độ xây dựng, tầng cao công trình, khoảng lùi của từng loại công trình cụ thể như sau:

+ Đối với nhà biệt lập: mật độ xây dựng  $\leq 50\%$ ; tầng cao  $\leq 3$  tầng; khoảng lùi công trình so với lộ giới đường  $\geq 5m$ , với các ranh đất còn lại  $\geq 2m$ .

+ Đối với nhà liên kế sân vườn: mật độ xây dựng  $\leq 80\%$ ; tầng cao từ 3 đến 4 tầng; khoảng lùi công trình so với lộ giới đường  $\geq 3m$ , với các ranh đất còn lại bằng 0.

+ Đối với nhà phố: mật độ xây dựng 100%; tầng cao từ 3 đến 5 tầng; khoảng lùi công trình so với lộ giới đường bằng 0, với các ranh đất còn lại bằng 0.

+ Công trình công cộng: mật độ xây dựng  $\leq 50\%$ ; tầng cao  $\geq 3$  tầng; khoảng lùi công trình so với lộ giới đường  $\geq 6m$ , với các ranh đất còn lại  $\geq 2m$  (khoảng lùi cụ thể theo từng loại công trình và dự án đầu tư).

**8. Hướng phát triển không gian và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:**

a) Hướng phát triển không gian đô thị:

- Đô thị Hòa Ninh được tổ chức phát triển đô thị về hai phía quốc lộ 20 (QL.20) và các tuyến đường liên xã Hòa Ninh – Hòa Bắc. Do đó, nâng cấp và mở rộng các tuyến đường này thành đường trục chính của đô thị. Đồng thời mở thêm các tuyến đường kết nối với trục chính nhằm phát triển đô thị về hai phía của quốc lộ 20 và tuyến đường liên xã.

- Khu vực đất xây dựng công trình công cộng, công viên cây xanh được kế thừa phát triển dựa trên hiện trạng có sẵn.

- Bố trí các đơn vị ở về hai phía của tuyến Quốc lộ 20 và các tuyến đường liên xã.

b) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Quy hoạch					
			Năm 2015 (10.417 người)			Năm 2020 (15.000 người)		
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	m <sup>2</sup> /người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	m <sup>2</sup> /người
<b>A</b>	<b>Đất dân dụng</b>		<b>136,7114</b>	<b>64,41</b>	<b>131,24</b>	<b>195,5891</b>	<b>55,88</b>	<b>130,39</b>
1	Đất tiêu khu ở		88,4770	41,69	84,96	124,2584	35,50	82,84
1.1	Đất ở hiện trạng cải tạo	DO (từ 1 đến 45)	38,1302			32,3878		
1.2	Đất ở quy hoạch chi tiết (cập nhật)		8,6386			8,6386		
1.3	Đất ở quy hoạch mới		26,9998			62,7129		
1.4	Đất công cộng khu ở	DCC (1,6,8,9, 10) DGD (từ 1 đến 9)	5,9161			7,5365		
1.5	Đất cây xanh khu ở	DCV (5,6,8,11, 12)	1,7822			3,8668		
1.6	Đất giao thông khu ở		7,0101			9,1158		
2	Đất công trình công cộng (không kể công trình công cộng của tiểu khu và tính cho 50% dân số 5 xã)		Năm 2015 (29.430 người)			Năm 2020 (33.500 người)		
			12,7650	6,01		20,5949	5,88	
2.1	Đất công trình công cộng	DCC (2,3,7)	1,4672			1,4672		
2.2	Đất giáo dục	DGD (10)	2,1208			2,1208		
2.3	Đất y tế	DYT (1)	1,0275			1,0275		
2.4	Đất văn hóa	DCC (4,5)	3,3524			3,3524		
2.5	Đất dịch vụ thương mại	DCC (11,12)	0,0000			0,8403		
2.6	Đất công viên	DCV (1,3,7,9, 10,13)	2,8357			9,8253		
2.7	Đất công cộng (đã được phê duyệt quy hoạch)	DGD (11) DCC (từ 13 đến 18) Cây xanh	1,9614			1,9614		

3	Đất cây xanh (công viên trung tâm)	DCV (2,4)	5,6620	2,67	5,44	10,6420	3,04	7,09
4	Đất giao thông		29,8074	14,04	28,61	40,0938	11,46	26,73
<b>B</b>	<b>Đất khác trong phạm vi khu dân dụng</b>		<b>15,2121</b>	<b>7,17</b>		<b>44,2263</b>	<b>12,64</b>	
5	Đất dự án du lịch	DDA (1)	13,3903			13,3903		
6	Đất tôn giáo	DTG (1,2)	1,8218			1,8218		
7	Đất khác	DK (từ 1 đến 6)	0,0000			29,0142		
<b>C</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>		<b>60,3195</b>	<b>28,42</b>		<b>110,1846</b>	<b>31,48</b>	
8	Đất công trình kỹ thuật	DTT (1,2,3,4, 5) DXLR (1)	1,1869			1,7469		
9	Đất công nghiệp	CN (1,2,3,4, 5) DPSX (1)	6,0000			8,7113		
10	Đất nông nghiệp	DNN (1,2)	0,0000			30,7973		
11	Đất cây xanh cách ly	DCL (từ 1 đến 8)	3,5876			4,2260		
12	Đất dự phòng	DDP (từ 1 đến 14)	27,6745			41,5601		
13	Đất giao thông đối ngoại		21,8705			23,1430		
<b>D</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>212,2430</b>	<b>100,00</b>		<b>350,0000</b>	<b>100,00</b>	

### 9. Định hướng phát triển hạ tầng:

#### a) Hệ thống giao thông:

##### - Đường giao thông đối ngoại:

+ Quốc lộ 20 (đoạn qua đô thị) có lộ giới 40m (lòng đường rộng 18m, vỉa hè mỗi bên rộng 11m) tương ứng mặt cắt 1-1.

+ Đường liên xã (Hòa Ninh - Hòa Bắc) có lộ giới 30m (lòng đường rộng 15m, vỉa hè mỗi bên rộng 7,5m) tương ứng mặt cắt 2-2.

##### - Đường giao thông đối nội:

+ Đường có lộ giới 20m (lòng đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 6m) tương ứng mặt cắt 3-3.

+ Đường có lộ giới 18m (lòng đường rộng 9m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m) tương ứng mặt cắt 4-4.

+ Đường có lộ giới 14m (lòng đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m) tương ứng mặt cắt 5-5.

- Đường gom (bao gồm đường giao thông và dải cây xanh cách ly) có lộ giới: 19,5m (lòng đường rộng 7m) tương ứng với mặt cắt 6-6.

b) Hệ thống cấp nước:

- Lưu lượng nước dự tính đến năm 2020 khoảng 1.180 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- Nguồn nước: Nước ngầm được bơm lên từ hệ thống giếng khoan và được xử lý đạt chuẩn theo quy định và đầu nối vào hệ cấp nước của đô thị (dự kiến 8 giếng khoan, các giếng khoan sâu 80-100m, đường kính giếng D200), trạm xử lý nước đặt ngay gần giếng khoan.

c) Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước mưa: Thu gom bằng hệ thống mương xây dựng bằng đá chẻ hoặc bê tông có nắp đan bê tông cốt thép dọc theo các tuyến đường.

- Thoát nước thải: Tổng lưu lượng nước thải của đô thị đến năm 2020 là 746 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt chuẩn theo quy định hiện hành tại từng hộ gia đình bằng bể tự hoại, nước thải được đưa vào hệ thống thoát nước chung của đô thị. Sau năm 2020, nước thải sẽ được thu gom về trạm xử lý tập trung để xử lý đạt chuẩn theo quy định hiện hành trước khi thải vào môi trường xung quanh.

d) Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: sử dụng nguồn điện từ hệ thống lưới điện quốc gia.

- Dự kiến tổng công suất các phụ tải điện đến năm 2015: 2.432 KVA.

- Dự kiến tổng công suất các phụ tải điện đến năm 2020: 3.529 KVA.

đ) San nền:

- Không chế cao độ san nền theo cao độ các tuyến đường tại hồ sơ quy hoạch trình duyệt.

e) Quản lý chất thải rắn: Chất thải rắn được phân loại tại nguồn và thu gom tập kết đến khu xử lý rác thải xã Hòa Bắc theo quy hoạch các khu xử lý rác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025.

g) Thông tin liên lạc: hệ thống liên lạc sử dụng hệ thống cáp đặt âm theo vỉa hè dọc các tuyến đường trong đô thị.

(Đính kèm hồ sơ Quy hoạch chung đô thị Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Lâm Đồng lập và được Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số 26/SXD-KTQH ngày 18/4/2014).

## **Điều 2.**

1. Ủy ban nhân dân huyện Di Linh có trách nhiệm:

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, phải tổ chức công bố quy hoạch được duyệt bằng nhiều hình thức (tổ chức hội nghị công bố; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; trưng bày

công khai, thường xuyên bản vẽ tại nơi công cộng, tại cơ quan quản lý quy hoạch, Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh) để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện;

- Tổ chức thực hiện việc cấm mốc giới xây dựng ngoài thực địa và chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày quy hoạch được công bố, phải hoàn thành việc cấm mốc giới xây dựng này;

- Lập kế hoạch cụ thể để thực hiện quy hoạch được duyệt;

- Quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức công bố toàn bộ nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh, huyện Di Linh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Di Linh, với chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp và quản lý, thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông Vận tải; Công thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Di Linh, Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Huyện ủy Di Linh;
- HĐND huyện Di Linh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Website Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học;
- Lưu: VT, XD<sub>2</sub>, ĐC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Việt**



## QUY ĐỊNH

**Quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh,  
huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 605 /QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Đối tượng áp dụng và phân công quản lý**

##### 1. Đối tượng áp dụng :

Quy định này hướng dẫn việc quản lý xây dựng các công trình theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.

Các cơ quan, tổ chức cá nhân lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ các công trình trên mặt đất, mặt nước hoặc hệ thống công trình ngầm đều phải thực hiện theo Quy định này.

Ngoài những nội dung của quy định này, việc cấp phép xây dựng, quản lý xây dựng, quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh phải tuân thủ theo các quy định pháp luật của Nhà nước có liên quan.

Việc bổ sung hoặc điều chỉnh Quy định này phải được cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở nội dung quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh được phê duyệt hay điều chỉnh

2. Phân công quản lý: UBND huyện Di Linh có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện theo thẩm quyền và chỉ đạo UBND xã Hòa Ninh và các đơn vị trực thuộc thực hiện việc quản lý xây dựng quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo đúng đồ án quy hoạch được duyệt và Quy định này.

#### **Điều 2. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích và dân số**

##### 1. Phạm vi ranh giới đồ án:

- Địa điểm: Xã Hòa Ninh, huyện Di Linh.
- Gồm 8 thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9 thuộc xã Hòa Ninh;
- Phía Bắc giáp: xã Đinh Trang Hòa, huyện Di Linh;
- Phía Nam giáp: xã Hòa Nam, huyện Di Linh;



- Phía Đông giáp: xã Hòa Trung, huyện Di Linh;
- Phía Tây Nam giáp: xã Lộc An, huyện Bảo Lâm.

2. Diện tích quy hoạch: 350 ha (*chiếm tỷ lệ 15,51% trong tổng diện tích 2.256,54 ha đất tự nhiên toàn xã*).

3. Quy mô dân số: dự kiến đến năm 2020 khoảng 15.000 người.

### **Điều 3. Quản lý phát triển không gian đô thị**

#### **1. Tổng thể chung đô thị Hòa Ninh:**

- Phạm vi khu đất nằm tại trung tâm xã Hòa Ninh bám theo Quốc Lộ 20, và trải dài từ ngã ba Hòa Ninh hướng về xã Hòa Nam khoảng 4 km gắn kết các xã Hòa Nam, Hòa Bắc, Hòa Trung, Đình Trang Hòa. Bố trí trung tâm hành chính công cộng ở giữa trục đường từ ngã ba Hòa Ninh đi Hòa Bắc, đồng thời mở rộng tuyến đường phát triển về phía Nam phục vụ các xã Hòa Nam, Hòa Bắc, Hòa Trung, tổ chức 1 khu dân cư với đầy đủ công trình công cộng, công trình giáo dục, thương mại để phục vụ khu dân cư ở phía Bắc Quốc Lộ 20. Chia khu đất thành 3 điểm dân cư ở các hướng Bắc, Trung, Nam. Với đặc điểm là đô thị nằm trên trục Quốc lộ đã có sẵn từ trước nên để đảm bảo an toàn giao thông, bố trí các điểm đầu nối theo Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng và mở thêm các đường gom. Hình thành các khu dân cư tập trung với kết cấu hạ tầng và hạ tầng xã hội đồng bộ. Đảm bảo hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu với khu đô thị xây mới phù hợp định hướng xây dựng và phát triển thành thị trấn Hòa Ninh thuộc huyện Di Linh đạt tiêu chí đô thị loại V. Khai thác hiệu quả các quỹ đất hiện có xen lẫn yếu tố cây xanh, mặt nước, sông hồ trong tổng thể không gian đô thị.

#### **2. Các trục không gian chính:**

- Lấy quốc lộ 20 (lộ giới 40m) và trục đường (lộ giới 30m) từ ngã 3 Hòa Ninh đi Hòa Bắc là 2 trục giao thông chính, xuyên suốt dọc khu vực đô thị, mở thêm các tuyến đường vào các khu vực bên trong (trong phạm vi 5 điểm đầu nối cho phép có lộ giới 18 m).

- Tổ chức các tuyến đường gom lộ giới 19,5m tránh QL 20 tại 5 điểm được đầu nối với QL20 để phân chia các khu chức năng. Đối với các khu ở hiện hữu dọc 2 bên QL 20 dự kiến hạn chế phát triển trong giai đoạn 1 và giai đoạn 2 để giải tỏa di dời tạo đường gom và dải cây xanh cách ly.

- Tổ chức các tuyến đường phân khu lộ giới 14, 18, 20m (lòng đường rộng tối thiểu 8m) vào từng khu vực quy hoạch.

- Trong các khu ở, bố trí các nhánh đường nội bộ (lòng đường rộng 5,5m) đi vào từng khu dân cư. Trong trung tâm mỗi khu dân cư đều bố trí khu công viên cây xanh ở giữa, kết hợp nơi giữ trẻ, hội trường khu phố...

3. Quy định về khu vực hạn chế phát triển và khu vực không được phép xây dựng.

- Khu vực hạn chế phát triển: là các phần đất công viên cây xanh, dải cây xanh cách ly và phần đất trống đồi núi khó xây dựng (Đất khác) gồm 13 khu vực công viên được ký hiệu DCV-01 đến DCV-13, 8 khu vực dải cây xanh cách ly ký hiệu DCXCL-01 đến DCXCL-08, 6 khu vực đất khác DK-01 đến DK-06).

- Khu vực không được phép xây dựng: Lộ giới, hàng lang bảo vệ sông suối, hàng lang an toàn của điện cao thế, kênh mương (công trình thủy lợi). Riêng khu vực đã khoanh vùng là đất dự phòng (gồm 14 khu vực được ký hiệu DDP-01 đến DDP-14) sẽ phát triển các dự án và các quy hoạch sau này.

#### **Điều 4. Phát triển hạ tầng xã hội.**

Chú trọng các dự án đầu tư xây dựng, mở rộng các công trình trường học, bệnh viện, trạm xá, nhà văn hóa khu phố và các dịch vụ công cộng...

#### **Điều 5. Phát triển hạ tầng kỹ thuật.**

##### 1. Giao thông:

##### a) Đường giao thông đối ngoại đi qua đô thị (đường liên khu vực)

- Đường QL 20: lộ giới 40m (lòng đường 18m, vỉa hè mỗi bên 11m).
- Đường liên xã (từ ngã 3 Hòa Ninh đi xã Hòa Bắc): lộ giới 30m (lòng đường 15m, vỉa hè mỗi bên 7,5m).

##### b) Đường giao thông cấp khu vực

- Đường trục cảnh quan khu dân cư: lộ giới 20m (lòng đường 8m, vỉa hè mỗi bên 6m).
- Đường gom dọc quốc lộ 20: lộ giới 19,5m (lòng đường 7m, dải cây xanh cách ly 10m, vỉa hè 2,5m)
- Đường lộ giới 18m (lòng đường 9m, vỉa hè mỗi bên 4,5m): gồm các đường đầu nối vào QL 20, đường nhánh từ quốc lộ qua khu dân cư đến các vùng lân cận.
- Đường lộ giới 14m (lòng đường 8m, vỉa hè mỗi bên 3m): gồm các đường kết nối các khu vực còn lại,

##### c) Các công trình phục vụ giao thông: Bến xe (ký hiệu DCC-11).

d) Cống qua kênh: Hệ thống cống rãnh trong khu quy hoạch được xây dựng phù hợp với cấp hạng của từng tuyến đường, theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng của Bộ Xây dựng.

##### đ) Một số quy định khác:

- Đối với các nút giao cắt giữa các tuyến đường, các nút giao thông quảng trường vườn hoa, khi xây dựng phải tuân thủ các yêu cầu và quy định hiện hành có liên quan.

- Hệ thống biển báo giao thông đường bộ được bố trí hợp lý, hướng dẫn người và phương tiện giao thông đi theo các làn đường quy định, đảm bảo an

toàn giao thông.

## 2. San nền, thoát nước mưa:

a) San nền: Tôn trọng cốt hiện trạng, san nền cục bộ theo địa hình hạn chế phá vỡ hiện trạng tự nhiên. San nền bằng đất đồi, hệ số đầm chặt  $K=0,9$ .

b) Thoát nước mưa: tại các trục đường, hướng thoát nước dọc theo hai bên vỉa hè, đầu nối với các hệ thống thoát nước hiện có và phân tán theo từng lưu vực.

c) Các giải pháp kỹ thuật khác: Chống xói lở bờ kênh, bờ hồ và bê tông hóa các tuyến kênh chính. Nạo vét các kênh, khơi thông các dòng thoát chính để tiêu thoát lũ nhanh.

## 3. Cấp, thoát nước:

a) Cấp nước: Nhu cầu cấp nước cho toàn đô thị đến năm 2015 là 728 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2020 là 1.180 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Sử dụng nguồn nước từ hệ thống giếng khoan (dự kiến đến năm 2015 là 5 giếng khoan và 2020 là 8 giếng khoan, các giếng khoan dự kiến khoan sâu 80-100m, đường kính giếng D200), trạm xử lý nước đặt gần giếng khoan.

### b) Thoát nước:

- Nước mưa: thu gom bằng hệ thống mương xây dựng bằng đá chẻ hoặc bê tông có nắp đan bê tông cốt thép dọc theo các tuyến đường.

- Nước thải: lượng nước thải tính đến năm 2015 là 460m<sup>3</sup>/ngày đêm và đến năm 2020 là 746m<sup>3</sup>/ngày đêm. Việc xử lý nước thải sinh hoạt được thực hiện tại từng hộ gia đình bằng bể tự hoại đạt chuẩn theo quy định, sau đó đưa vào hệ thống thoát nước chung, tiếp tục được xử lý bằng khả năng tự làm sạch của sông suối và các cánh đồng nông nghiệp xung quanh, một phần nước thải từ các hộ nhà vườn sẽ tái sử dụng để tưới cho cây trồng. Sau năm 2020, nước thải trong đô thị sẽ được thu gom về các trạm xử lý tập trung để xử lý đạt loại B trước khi thải vào môi trường xung quanh. Trong quy hoạch đã dành quỹ đất để xây dựng 2 trạm xử lý nước thải tập trung ở phía Tây và phía Nam của đô thị.

4. Cấp điện: Nguồn điện cung cấp cho khu quy hoạch lấy từ hệ thống lưới điện quốc gia. Xây dựng 8 trạm biến áp 3 pha công suất 320 KVA/1 trạm. Công suất dự kiến đến năm 2015 là 2.432 KVA, đến năm 2020 là 3.529 KVA.

## 5. Kiểm soát và bảo vệ môi trường:

- Nước mưa và các loại nước thải không được xả trực tiếp ra vỉa hè, đường phố, phải thải ra theo hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh các khu dân cư, công trình công cộng phải được thu gom, xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát ra cống đô thị.

- Nước thải từ khu vực nhà máy được xử lý đến giới hạn tiêu chuẩn cho phép sau đó đổ vào mạng lưới thu gom chung chảy về trạm xử lý nước thải tập

trung của toàn khu công nghiệp trước khi thải ra môi trường. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn xả nước thải công nghiệp trước khi dẫn ra môi trường xung quanh.

6. Thông tin liên lạc: Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới các bưu cục khu vực theo hướng hiện đại bán, kính 1,5-2km/trạm, mạng điện thoại công cộng, phát triển các dịch vụ bưu chính viễn thông đến các điểm dân cư. Mở rộng vùng phủ sóng của hệ thống phát thanh truyền hình hiện có.

7. Thu gom và xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn được thu gom đưa về bãi xử lý chôn lấp rác.

## Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Điều 6. Phân khu chức năng

a) Bảng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	QUY HOẠCH					
			NĂM 2015 (10.417 người)			NĂM 2020 (15.000 người)		
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	m <sup>2</sup> / người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	m <sup>2</sup> / người
<b>A</b>	<b>ĐẤT DÂN DỤNG</b>		<b>136,7114</b>	<b>64,41</b>	<b>131,24</b>	<b>195,5891</b>	<b>55,88</b>	<b>130,39</b>
<b>1</b>	<b>Đất tiểu khu ở</b>		<b>88,4770</b>	<b>41,69</b>	<b>84,96</b>	<b>124,2584</b>	<b>35,50</b>	<b>82,84</b>
1.1	Đất ở hiện trạng cải tạo	DO (từ 1 đến 45)	38,1302			32,3878		
1.2	Đất ở quy hoạch chi tiết (cập nhật)		8,6386			8,6386		
1.3	Đất ở quy hoạch mới		26,9998			62,7129		
1.4	Đất công cộng khu ở	DCC (1,6,8,9,10)						
1.5	Đất cây xanh khu ở	DGD (từ 1 đến 9)	5,9161			7,5365		
1.6	Đất cây xanh khu ở	DCV (5,6,8,11,12)	1,7822			3,8668		
1.6	Đất giao thông khu ở		7,0101			9,1158		
<b>2</b>	<b>Đất công trình công cộng</b> (không kể công trình công cộng của tiểu khu và tính cho 50% dân số 5 xã)		Năm 2015 (29.430 người)			Năm 2020 (33.500 người)		
			<b>12,7650</b>	<b>6,01</b>		<b>20,5949</b>	<b>5,88</b>	
2.1	Đất công trình công cộng	DCC (2,3,7)	1,4672			1,4672		
2.2	Đất giáo dục	DGD (10)	2,1208			2,1208		
2.3	Đất y tế	DYT (1)	1,0275			1,0275		
2.4	Đất văn hóa	DCC (4,5)	3,3524			3,3524		
2.5	Đất dịch vụ thương mại	DCC (11,12)	0,0000			0,8403		
2.6	Đất công viên	DCV (1,3,7,9,10,13)	2,8357			9,8253		
2.7	Đất công cộng (đã được phê duyệt quy hoạch)	DGD (11) DCC (từ 13 đến 18) Cây xanh	1,9614			1,9614		
<b>3</b>	<b>Đất cây xanh</b> (công viên trung tâm)		<b>5,6620</b>	<b>2,67</b>	<b>5,44</b>	<b>10,6420</b>	<b>3,04</b>	<b>7,09</b>
<b>4</b>	<b>Đất giao thông</b>	DCV (2,4)	<b>29,8074</b>	<b>14,04</b>	<b>28,61</b>	<b>40,0938</b>	<b>11,46</b>	<b>26,73</b>

<b>B</b>	<b>ĐẤT KHÁC TRONG PHẠM VI KHU DÂN DỤNG</b>		<b>15,2121</b>	<b>7,17</b>		<b>44,2263</b>	<b>12,64</b>	
5	Đất dự án du lịch	DDA (1)	13,3903			13,3903		
6	Đất tôn giáo	DTG (1,2)	1,8218			1,8218		
7	Đất khác	DK (từ 1 đến 6)	0,0000			29,0142		
<b>C</b>	<b>ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG</b>		<b>60,3195</b>	<b>28,42</b>		<b>110,1846</b>	<b>31,48</b>	
8	Đất công trình kỹ thuật	DTT (1,2,3,4,5) DXLR (1)	1,1869			1,7469		
9	Đất công nghiệp	CN (1,2,3,4,5) DPSX (1)	6,0000			8,7113		
10	Đất nông nghiệp	DNN (1,2)	0,0000			30,7973		
11	Đất cây xanh cách ly	DCL (từ 1 đến 8)	3,5876			4,2260		
12	Đất dự phòng	DDP (từ 1 đến 14)	27,6745			41,5601		
13	Đất giao thông đối ngoại		21,8705			23,1430		
<b>D</b>	<b>Tổng cộng các loại đất trong đô thị (DTQH)</b>		<b>212,2430</b>	<b>100,00</b>		<b>350,0000</b>	<b>100,00</b>	

b) Các khu chức năng:

- Các khu dân cư;
- Các khu trung tâm hành chính - chính trị, y tế, giáo dục, tôn giáo;
- Các khu công viên cây xanh - thể dục thể thao;
- Các khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;
- Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật;

### **Điều 7. Quy định quản lý các khu chức năng**

1. Các khu dân cư (đất ở)

a) Các khu ở hiện trạng chính trang:

- Diện tích: 32.3878 ha
- **Nhà biệt lập :**
  - + Tầng cao:  $\leq 03$  tầng;
  - + Khoảng lùi: so với lộ giới đường  $\geq 5$  m; so với ranh đất  $\geq 2$  m;
  - + Mật độ xây dựng:  $\leq 50\%$ .
- **Nhà liên kế phố:**
  - + Tầng cao: từ 03 đến 04 tầng;
  - + Khoảng lùi: so với lộ giới đường bằng 0;
  - + Mật độ xây dựng:  $\leq 100\%$ .
- **Nhà liên kế sân vườn:**

- + Tầng cao: từ 03 đến 04 tầng;
- + Khoảng lùi: so với lộ giới đường  $\geq 3$  m;
- + Mật độ xây dựng:  $\leq 80\%$ .

b). Các khu ở xây mới:

- Diện tích: 62.7129 ha
- Một số chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch chủ yếu (theo quy hoạch chung):

- **Nhà biệt lập:**

- + Tầng cao:  $\leq 03$  tầng;
- + Khoảng lùi: so với lộ giới đường  $\geq 5$  m; so với ranh đất  $\geq 2$  m;
- + Mật độ xây dựng:  $\leq 50\%$ .

- **Nhà liên kế phố:**

- + Tầng cao: từ 03 đến 05 tầng;
- + Khoảng lùi: so với lộ giới đường bằng 0;
- + Mật độ xây dựng:  $\leq 100\%$ .

- **Nhà liên kế sân vườn:**

- + Tầng cao: từ 03 đến 04 tầng;
- + Khoảng lùi: so với lộ giới đường  $\geq 3$  m;
- + Mật độ xây dựng:  $\leq 80\%$ .

c) Các khu ở đã được phê duyệt trong quy hoạch chi tiết với diện tích 8.6386 ha (thuộc đồ án quy hoạch chi tiết đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1832/UBND ngày 03/12/1997) thì tuân thủ theo quy hoạch được duyệt.

2. Các khu trung tâm hành chính - chính trị, y tế, giáo dục, tôn giáo

a) Các cụm công trình hiện trạng chỉnh trang: gồm 14 khu vực

- Mật độ xây dựng:  $\leq 50\%$
- Tầng cao:  $\geq 03$  tầng
- Khoảng lùi: cách lộ giới đường  $\geq 6$ m;

b) Các cụm công trình xây mới: gồm 5 khu vực

- Mật độ xây dựng:  $\leq 50\%$
- Tầng cao:  $\geq 03$  tầng
- Khoảng lùi: cách lộ giới đường  $\geq 6$ m;

c) Các công trình công cộng đã được phê duyệt trong quy hoạch chi tiết (thuộc đồ án quy hoạch chi tiết đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1832/UBND ngày 03/12/1997) tuân thủ theo quy hoạch được duyệt.

d) Công trình công cộng:

- Tầng cao:  $\geq 3$  tầng;

- Khoảng lùi: cách lộ giới đường  $\geq 6m$ ;

- Mật độ xây dựng:  $\leq 50\%$  (số liệu cụ thể căn cứ theo loại công trình tương ứng và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

đ) Các khu công viên cây xanh và giải cây xanh cách ly: gồm 13 khu vực công viên được ký hiệu DCV-01 đến DCV-13, 8 khu vực đất cây xanh cách ly ký hiệu DCL-01 đến DCL-08

- Tầng cao công trình phục vụ (nếu có): 01 tầng

- Mật độ xây dựng: theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

3. Các khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (gồm 6 khu ký hiệu CN-01 đến CN-5 và một khu đất dự phòng sản xuất DPSX-01) có tầng cao không quá 02 tầng.

4. Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

a) Hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị bao gồm: giao thông, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, thông tin bưu điện và các công trình khác.

- Quy mô các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật của đô thị tùy theo các dự án đầu tư hiện có đã được duyệt.

b) Nội dung quản lý cải tạo xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- Căn cứ quy hoạch chung, các cơ quan có chức năng và nhà đầu tư tiến hành lập quy hoạch chi tiết và quy hoạch xây dựng các dự án công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Lập hồ sơ chỉ giới xây dựng và cắm mốc giới ranh giới quy hoạch trên thực địa.

- Lập và xét duyệt dự án theo quy định pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Thiết kế công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng; bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, an toàn, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

c) Quản lý, khai thác, sử dụng công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- Việc đấu nối vào hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải được phép của cơ quan chức năng. Không được lấn chiếm đất công dành cho việc xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, kể cả vùng bảo vệ được khoanh định theo quy hoạch được duyệt.

5. Các công trình trạm trại kỹ thuật gồm: trạm kiểm dịch động vật, trạm thủy nông, trạm xử lý nước thải, khu xử lý rác...

- Chiều cao xây dựng công trình: 1-2 tầng

- Mật độ xây dựng: 30-50 %

### **Điều 8. Quy định về kiến trúc quy hoạch**

1. Cốt nền, chiều cao tầng:

a) Cốt nền:

- Đối với công trình công cộng: căn cứ thiết kế dự án được duyệt.

- Đối với nhà ở: không quá 0,45m so với cốt vỉa hè.

b) Chiều cao tầng:

- Đối với các công trình công cộng: chiều cao cốt sàn tùy thuộc thể loại công trình áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn để thiết kế cho phù hợp.

- Đối với công trình nhà ở cốt sàn tầng 1:  $\leq 4,0m$  tính từ mặt sàn tầng dưới đến mặt sàn tầng trên.

2. Các bộ phận công trình được phép vượt quá lộ giới:

- Ban công được nhô qua chỉ giới xây dựng (không được che chắn tạo thành buồng hay lô gia).

- Đối với đường có lộ giới lớn hơn 15m là 1,4m ;

- Đối với đường có lộ giới từ 12m đến 15m là 1,2m.

### **Điều 9. Kiểm soát không gian kiến trúc**

1. Mỹ quan đô thị:

a) Không được xây dựng coi nới, nhà tạm, bán kiên cố sai thiết kế được duyệt.

b) Trang trí mặt ngoài: không dùng các vật liệu hoàn thiện có màu đen, tối hoặc quá sặc sỡ, sử dụng quá nhiều màu trên một công trình, trang trí các chi tiết cầu kỳ, phản mỹ thuật.

c) Đối với khu nhà ở liền kề và biệt thự khuyến khích việc đầu tư xây dựng đồng bộ, hàng loạt để các công trình trên cùng tuyến phố có kiến trúc tương đồng, thống nhất.

d) Hàng rào: Khuyến khích hàng rào bằng hình thức cây, hoa, cắt xén mỹ thuật. Đối với hàng rào xây: hàng rào phải có hình thức thoáng, nhẹ, mỹ quan (trừ trường hợp có yêu cầu đặc biệt được cơ quan chức năng phê duyệt).



2. Mỗi liên hệ với các công trình bên cạnh:

a) Không bộ phận nào của ngôi nhà kể cả thiết bị, đường ống, phần ngầm dưới đất được vượt quá ranh giới đất sử dụng.

b) Không được xả nước mưa, nước thải các loại (kể cả nước ngưng tụ của máy lạnh), khí bụi, khí thải sang nhà bên cạnh.

### **Điều 10. Quản lý cây xanh**

- Việc phát triển cây xanh của đô thị nhằm tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho đô thị Hòa Ninh và vùng lân cận.

- Hệ thống cây xanh trên địa bàn đô thị bao gồm: các loại cây do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng theo quy hoạch cây xanh tại các khu dân cư, đường phố, công sở, bệnh viện, trường học, vườn hoa, công viên, thảm cỏ là tài sản chung của toàn xã hội.

- Việc quản lý, bảo vệ, sử dụng hệ thống cây xanh trên địa bàn đô thị Hòa Ninh phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý cây xanh đô thị và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư trồng, chăm sóc, cung ứng giống và cây con, tái tạo cây xanh công cộng trên địa bàn đô thị phù hợp theo các quy định của Nhà nước.

- Việc trồng cây xanh chuyên dùng, cây xanh công cộng và cây xanh trong các khuôn viên công trình tiếp cận mặt phố trên địa bàn đô thị phải được thực hiện theo quy hoạch được duyệt, bảo đảm các yêu cầu sử dụng, mỹ quan đô thị, không ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hỏng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật dưới mặt đất cũng như trên không, không gây nguy hiểm và không làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường.

- Nghiêm cấm mọi hành vi tự ý hủy hoại cây xanh.

### **Điều 11. Quy định về bảo đảm cảnh quan môi trường đô thị.**

1. Tổ chức cá nhân đang quản lý, sử dụng công trình kiến trúc phải thường xuyên giữ gìn, duy tu bộ mặt kiến trúc công trình luôn sạch đẹp.

2. Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh phối hợp với cơ quan chức năng của huyện Di Linh tổ chức quản lý, duy trì, đảm bảo đường phố, vườn hoa, công viên được chiếu sáng và xanh – sạch – đẹp; các công trình kiến trúc, xây dựng đều phải được đánh số, gắn bảng tên để quản lý theo quy định.

3. Quảng cáo trong đô thị: Việc bố trí loại biển báo thông tin, quảng cáo, tranh, tượng ngoài trời ảnh hưởng đến mỹ quan đường phố phải thực hiện theo đề án quy hoạch quảng cáo được duyệt; được cơ quan chức năng cấp phép theo quy định.

4. Khi thi công, chủ đầu tư và đơn vị thi công phải thực hiện các quy tắc về trật tự, vệ sinh, an toàn; phải có biện pháp che chắn, chống rác bụi và đảm

bảo an toàn cho nhân dân và công trình lân cận. Các phương tiện vận chuyển vật liệu và rác thải xây dựng không được làm bẩn đường phố. Trường hợp thi công gây ô nhiễm phải có biện pháp khắc phục ngay theo quy định của pháp luật. Khi xây dựng xong công trình và trước khi nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, đơn vị thi công phải thu dọn mặt bằng, dỡ bỏ lán trại và hoàn thiện khu vực xây dựng.

### **Điều 12. Quy định về san lấp mặt bằng**

- Nghiêm cấm việc đào bới, san lấp mặt bằng trong đô thị làm biến dạng địa hình, cảnh quan đô thị, trừ trường hợp đặc biệt được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Khi thiết kế xin phép xây dựng, nếu có nhu cầu san lấp, đào đắp, xây dựng taluy trong công trình thì phải thể hiện rõ ràng vị trí quy mô xin san lấp và đảm bảo an toàn cho công trình, đất đai liền kề; an toàn thi công, an toàn giao thông khi thi công cũng như khi vận chuyển đất và không được thay đổi lớn địa hình. Việc san nền xây dựng gần với công trình giao thông (đường, hẻm và bãi đậu xe) và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được vi phạm hành lang bảo vệ các công trình này theo quy định.

- Đất sau khi đào đắp phải xây dựng kè chắn, trồng cỏ đúng kỹ thuật và không làm ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị và công trình khác.

### **Điều 13. Các quy định khác**

#### **1. An toàn giao thông:**

a) Công trình kiến trúc đô thị xây mới tại các lô đất có góc tạo bởi các cạnh đường phố giao nhau không được làm cản trở tầm nhìn, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho người tham gia giao thông.

b) Trồng cây xanh, xây dựng công trình không được làm hạn chế tầm nhìn người tham gia giao thông, che khuất các biển báo hiệu, tín hiệu giao thông.

2. Phòng cháy chữa cháy: Các công trình công cộng, dịch vụ tập trung đông người phải có giải pháp phòng chống cháy nổ theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, được cơ quan chức năng về Phòng cháy chữa cháy thỏa thuận bằng văn bản.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14.** UBND huyện Di Linh, UBND xã Hòa Ninh và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỷ lệ 1/2000 và Quy định này.

**Điều 15.** Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh được ký và thay thế quy định trước đây về quản lý quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị đối với trung tâm xã

Hòa Ninh. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, UBND huyện Di Linh có văn bản gửi Sở Xây dựng để được hướng giải quyết hoặc trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

**Điều 16.** Quy định này và đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Hòa Ninh được phê duyệt được công bố, công khai và lưu giữ tại các các Sở: Xây Dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận Tải, UBND huyện Di Linh, phòng Kinh tế & hạ tầng huyện Di Linh, UBND xã Hòa Ninh và Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng huyện Di Linh./.